

Số: 1903 /QĐ-UBND

Cần Thơ, ngày 08 tháng 8 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt điều chỉnh Khoản 14, 15 Điều 1 Quyết định số 2807/QĐ-UBND ngày 10 tháng 10 năm 2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình: Tiểu dự án Xây dựng cơ sở hạ tầng, thiết bị Hợp tác xã Đại Lợi Xã Trường Xuân, huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Căn cứ Luật Đầu tư công số 49/2014/QH13 ngày 18 tháng 06 năm 2014 của Quốc Hội khóa XIII;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18 tháng 06 năm 2014 của Quốc Hội khóa XIII;

Căn cứ Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Chính phủ về việc hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư 18/2016/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình;

Căn cứ Quyết định 1992/QĐ-BNN-HTQT ngày 25 tháng 5 năm 2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án Chuyển đổi nông nghiệp bền vững tại Việt Nam;

Căn cứ Công văn số 1866/DANN-VnSAT ngày 19 tháng 9 năm 2017 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc Danh mục các tiểu dự án đề xuất hỗ trợ cho các TCND/KTK thuộc dự án VnSAT Cần Thơ;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành phố Cần Thơ tại Tờ trình số 1951/TTr-SNN&PTNT ngày 25 tháng 7 năm 2019,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt điều chỉnh Khoản 14, 15 Điều 1 Quyết định số 2807/QĐ-UBND ngày 10 tháng 10 năm 2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình: Tiểu



dự án Xây dựng cơ sở hạ tầng, thiết bị Hợp tác xã Đại Lợi, Xã Trường Xuân, huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ, với các nội dung cụ thể như sau:

### 1. Điều chỉnh Khoản 14.

**“14. Tổng mức đầu tư (làm tròn): 8.676.279.000 đồng.**

(Bằng chữ: tám tỷ, sáu trăm bảy mươi sáu triệu, hai trăm bảy mươi chín ngàn đồng.)

Trong đó:

- Chi phí dọn dẹp mặt bằng thi công:	44.936.000 đồng;
- Chi phí xây dựng:	5.493.967.000 đồng;
- Chi phí thiết bị:	1.455.033.000 đồng;
- Chi phí quản lý dự án:	0 đồng;
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng:	649.874.000 đồng;
- Chi phí khác:	498.243.000 đồng;
- Chi phí dự phòng:	534.226.000 đồng.”

(Đính kèm Phụ lục)

### 2. Điều chỉnh Khoản 15.

**“15. Nguồn vốn đầu tư:** Vốn vay Ngân hàng Thế giới (IDA): 80,0%; ~~vốn~~ đối ứng ngân sách thành phố, TCND/HTX: 20,0%.”

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký, những nội dung còn lại tiếp tục thực hiện theo Quyết định số 2807/QĐ-UBND ngày 10 tháng 10 năm 2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ.

**Điều 3.** Chánh văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Xây dựng, Giám đốc Sở Công thương, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giám đốc Kho bạc Nhà nước Cần Thơ, Giám đốc Ban quản lý dự án chuyển đổi nông nghiệp bền vững thành phố Cần Thơ, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
  - CT UBND TP;
  - Hợp tác xã Đại Lợi;
  - VP UBND TP (3D);
  - Công TTĐT TPCT;
  - Lưu: VT, NCH.
- 13292-1951

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Thanh Dũng**

**PHỤ LỤC**

**TỔNG MỨC ĐẦU TƯ TIỂU DỰ ÁN XÂY DỰNG CƠ SỞ HẠ TẦNG, THIẾT BỊ HTX HIỆU BÌNH**  
(Kèm theo Quyết định số 1903/QĐ-UBND ngày 08 tháng 8 năm 2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ)

Đơn vị tính: đồng

STT	HÀNG MỤC CHI PHÍ	CÔNG KẾT HỢP TRÀM BOM	NHÀ KHO, LÒ SẤY	ĐƯỜNG DÂY TRUNG ÁP & TRÀM BIẾN ÁP	TỔNG HỢP CHI PHÍ CSHT	CƠ CẤU NGUỒN VỐN			CHI CHỨ
						IDA	Vốn đối ứng		
							Thành phố	TCND/HTX	
<b>I</b>	<b>CHI PHÍ DỌN DẸP MẶT BẰNG TRƯỚC KHI THI CÔNG</b>	<b>18.500.000</b>			<b>18.500.000</b>				
1	CHI PHÍ XÂY DỰNG Cổng kết hợp với trạm bơm (4 máy)	2.003.900.449	3.820.997.114	753.101.985	6.577.999.548	6.102.752.057	-	18.500.000	18.500.000
2	Cơ khí trạm bơm	584.511.711			584.511.711	584.511.711			-
3	Sàn nền		475.247.491		475.247.491			475.247.491	-
4	Nhà sấy		597.867.628		597.867.628	597.867.628			-
5	Nhà kho		2.207.185.235		2.207.185.235	2.207.185.235			-
6	Phòng cháy, chữa cháy và chống sét		276.293.093		276.293.093	276.293.093			-
7	Điện chiếu sáng trong và ngoài nhà kho, lò sấy		264.403.667		264.403.667	264.403.667			-
8	Đường dây điện trung thế, trạm biến áp trạm bơm			503.095.944	503.095.944	503.095.944			-
9	Đường dây điện trung thế, trạm biến áp nhà kho, lò sấy			250.006.041	250.006.041	250.006.041			-
<b>III</b>	<b>CHI PHÍ THIẾT BỊ</b>	<b>1.254.220.000</b>		<b>517.272.053</b>	<b>1.771.492.053</b>	<b>1.771.492.053</b>			-
1	Máy bơm Q = 2300-2500 m <sup>3</sup> /h (4 máy)	1.254.220.000			1.254.220.000	1.254.220.000			-
2	Đường dây điện trung thế, trạm biến áp trạm bơm			319.154.530	319.154.530	319.154.530			-
3	Đường dây điện trung thế, trạm biến áp nhà kho, lò sấy			198.117.523	198.117.523	198.117.523			-
<b>IV</b>	<b>CHI PHÍ QUẢN LÝ DỰ ÁN</b>	<b>-</b>		<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>			<b>-</b>
<b>V</b>	<b>CHI PHÍ TƯ VẤN XÂY DỰNG</b>	<b>300.110.826</b>	<b>344.645.043</b>	<b>145.231.666</b>	<b>789.987.535</b>	<b>-</b>	<b>789.987.535</b>	<b>-</b>	<b>789.987.535</b>
1	Chi phí khảo sát địa hình	74.731.000		18.259.566	92.990.566		92.990.566		92.990.566
2	Chi phí lập báo cáo KTKT	144.465.061		83.245.817	390.743.928		390.743.928		390.743.928
3	Chi phí thẩm tra thiết kế	4.544.846		2.200.000	20.041.916		20.041.916		20.041.916
4	Chi phí thẩm tra dự toán	4.544.846		2.200.000	20.041.916		20.041.916		20.041.916
5	Chi phí lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu thi công xây dựng	7.234.081		4.134.530	32.345.885		32.345.885		32.345.885



